

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng B1.202**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h30**Ngày thi:** 13/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0109	Bùi Văn Tâm	27/08/1999				
2	TA0110	Trương Văn Thắng	26/07/1999				
3	TA0111	Nguyễn Diệu Thanh	07/10/1999				
4	TA0112	Nguyễn Việt Thành	23/04/1999				
5	TA0113	Phùng Khánh Thành	24/07/1995				
6	TA0114	Tổng Văn Thao	24/11/1999				
7	TA0115	Cù Thị Phương Thảo	10/10/1999				
8	TA0116	Hoàng Thị Phương Thảo	27/04/1999				
9	TA0117	Hà Bách Thịnh	31/01/1999				
10	TA0118	Trần Đăng Thị Nh	11/11/1999				
11	TA0119	Đoàn Thị Thoan	10/12/1999				
12	TA0120	Nguyễn Thị Hoài Thương	26/03/1999				
13	TA0121	Đặng Đức Thưởng	18/02/1999				
14	TA0122	Nguyễn Quang Tiến	11/07/1999				
15	TA0123	Trịnh Ngọc Trâm	18/11/1999				
16	TA0124	Lò Thuỳ Trang	15/01/1999				
17	TA0125	Nguyễn Huyền Trang	03/11/1999				
18	TA0126	Tào Thuỳ Trinh	15/08/1999				
19	TA0127	Đỗ Minh Trung	25/07/1999				
20	TA0128	Đoàn Đức Trung	11/03/1998				
21	TA0129	Phạm Ngọc Trung	23/10/1999				
22	TA0130	Nguyễn Văn Trường	22/02/1999				
23	TA0131	Vương Tất Trường	01/07/1999				
24	TA0132	Nguyễn Trí Tuấn	11/03/1998				
25	TA0133	Ma Văn Tuấn	20/05/1999				
26	TA0134	Nguyễn Quốc Tuấn	15/01/1999				
27	TA0135	Nguyễn Thị Tú Uyên	05/02/1999				
28	TA0136	Phạm Tú Uyên	15/07/1999				
29	TA0137	Trịnh Thị Thu Uyên	08/11/2000				
30	TA0138	Đinh Doãn Việt	02/01/1999				
31	TA0139	Trần Quốc Việt	24/11/1999				
32	TA0140	Nguyễn Nhất Vương	15/08/1999				
33	TA0141	Phạm Minh Đức	13/11/1999				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
34	TA0142	Vũ Văn Nghĩa	06/07/1999				
35	TA0143	Phạm Thanh Tùng	03/06/1999				
36	TA0144	Bùi Công Thành	27/08/1999				
37	TA0145	Lưu Văn Hưởng	04/10/1983				
38	TA0146	Lê Minh Thắng	10/11/1990				
39	TA0147	Thiều Kim Tùng	15/01/1997				
40	TA0148	Uông Mai Duyên	25/04/1993				
41	TA0149	Đinh Bảo Hà	14/06/1981				
42	TA0150	Nguyễn Thị Như	30/10/1994				
43	TA0151	Bùi Tiến Chiến	10/04/1981				
44	TA0152	Phạm Văn Nam	25/12/1996				
45	TA0153	Nguyễn Kim Quế	10/06/1996				
46	TA0154	Nguyễn Văn Tân	25/03/1995				
47	TA0155	Nguyễn Việt Tùng	27/11/1982				
48	TA0156	Nguyễn Việt Phú	20/05/1984				
49	TA0157	Nguyễn Hồng Nguyên	20/01/1982				
50	TA0158	Ngô Duy Hương	02/03/1984				
51	TA0159	Nguyễn Hải Quân	09/05/1998				
52	TA0160	Nguyễn Quốc Hùng	29/5/1993				
53	TA0161	Nguyễn Minh Hoàng Việ	14/12/1992				
54	TA0220	Nguyễn Tùng Anh	18/02/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)